TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 385/2023/DS-ST
Ngày: 25/9/2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Lê Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Sen;

2. Ông Nguyễn Thanh Toàn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Hoàng Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Hương – Kiểm sát viên

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2023/TLST-DS ngày 22/3/2023 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 385/2023/QĐXXST-DS ngày 21/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 278/2023/QĐST-DS ngày 07/9/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân T1;

Địa chỉ: Số E đường C, phường T, Quận G, Tp .

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Bùi Minh S, sinh năm 1986 (Giấy ủy quyền số 277/UQ-QTD ngày 07/12/2022) – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1976

Thường trú: Số E T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú: D T, Khu phố C, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; Các bản tự khai; Biên bản không tiến hành hòa giải được cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ và tại phiên toà thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn có ông Bùi Minh S là đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngày 21/09/2019, bà Nguyễn Thị D ký kết Hợp đồng tín dụng số 1-0003431/HĐTD với Quỹ tín dụng nhân dân T1 để vay số tiền là 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng; thời hạn vay 12 tháng; ngày đến hạn trả nợ là ngày 21/09/2020, lãi suất thời điểm ký hợp đồng là 10,098%/năm; hình thức trả nợ vay: trả nợ gốc và lãi hàng tháng; mục đích sử dụng vốn: Đóng tủ bàn ghế.

Tính đến ngày 25/9/2023, bà D còn nợ Quỹ tín dụng nhân dân T1 số tiền cụ thể như sau:

1. Số tiền nợ gốc: 40.000.000 đồng

Bà D đã trả được: 17.602.100 đồng

Nợ gốc còn phải trả = 40.000.000 đồng – 17.602.100 đồng = 22.397.900 (Hai mươi hai triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm) đồng.

2. Số tiền nợ lãi theo hợp đồng vay tài sản đã ký bao gồm:

a) Tiền lãi trong hạn = 4.050.000 đồng. (Tính từ ngày 21/9/2019 đến ngày 25/9/2023).

Lãi trong hạn bà D đã trả: 1.009.800 đồng

Lãi trong hạn còn phải trả = 4.050.000 đồng – 1.009.800 đồng = 3.040.200 (Ba triệu không trăm bốn mươi nghìn hai trăm) đồng

b) Tiền lãi chậm trả tính trên nợ lãi chậm trả: 102.000 đồng (Tính từ ngày 21/9/2019 đến ngày 25/9/2023).

c) Tiền lãi quá hạn: 10.235.000 đồng (Tính từ ngày 21/9/2019 đến ngày 25/9/2023)

Tổng số tiền bà D phải trả cho Qũy tín dụng là: 35.775.100 (Ba mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm) đồng.

Do bà D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với hợp đồng tín dụng đã ký nên Quỹ tín dụng nhân dân T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử buộc ông D1 phải thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân T1 tổng số tiền là 35.775.100 (Ba mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm) đồng. Trả 01 lần ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bà Nguyễn Thị D phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1-0003431/HĐTD ngày 21/09/2019 kể từ ngày 25/9/2023 cho đến khi thi hành án xong.

Bị đơn bà Nguyễn Thị D vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định pháp luật nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị D không đến, không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7:

1. Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 86 và Điều 234 Bộ luật Bộ luật tố tụng năm 2015.

Bị đơn mặc dù đã được Tòa án cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng trong suốt quá trình từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng năm 2015.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân T1 khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị D phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 1-0003431/HĐTD ngày 21/09/2019. Đây là tranh chấp "Hợp đồng tín dụng".

Bị đơn bà Nguyễn Thị D cư trú tại địa chỉ: D T, Khu phố C, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về hình thức

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn bà Nguyễn Thị D. Tuy nhiên, bị đơn bà Nguyễn Thị D vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Trần Quốc D2 theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Tân Quy Đ đối với bị đơn bà Nguyễn Thị D, căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa:

Xét, căn cứ hợp đồng tín dụng số 1-0003431/HĐTD ngày 21/09/2019 có đủ căn cứ xác định Quỹ tín dụng nhân dân T1 và bà Nguyễn Thị D đã ký hợp đồng tín dụng, cụ thể: Số tiền vay là 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng; thời hạn vay 12 tháng; ngày đến hạn trả nợ là ngày 21/09/2020, lãi suất thời điểm ký hợp đồng là 10,098%/năm; hình thức trả nợ vay: trả nợ gốc và lãi hàng tháng; mục đích sử dụng vốn: Đóng tủ bàn ghế.

Căn cứ vào Giấy nhận nợ ngày 21/9/2019 và phiếu chi ngày 21/9/2019, xác định bị đơn bà Nguyễn Thị D đã được nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Tân Quy Đông giải ngân và bà D đã nhận đủ số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn là bà Nguyễn Thị D đã thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân T1 số tiền gốc là 17.602.100 (Mười bảy triệu sáu trăm lẻ hai nghìn một trăm) đồng và số tiền nợ lãi trong hạn là 1.009.800 (Một triệu không trăm lẻ chín nghìn tám trăm) đồng.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/9/2023, nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Tân Quy Đ yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị D phải thanh toán tổng cộng số tiền: 35.775.100 (Ba mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là: 22.497.900 (Hai mươi hai triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm) đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 3.040.200 (Ba triệu không trăm bốn mươi nghìn hai trăm) đồng (Tính từ 21/9/2019 đến ngày 25/9/2023), tiền nợ lãi quá hạn 10.235.000 (Mười triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn) đồng (Tính từ ngày 21/9/2019 đến ngày 25/9/2023), tiền lãi chậm trả tính trên nợ lãi chậm trả: 102.000 (Một trăm lẻ hai nghìn) đồng (Tính từ ngày 21/9/2019 đến ngày 25/9/2023).

Xét, theo quy định của pháp luật:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*".

+ Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*.

Xét, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn bà Nguyễn Thị D. Tuy nhiên bà Nguyễn Thị D không đến tòa trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho tòa nên căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn bà Nguyễn Thị D đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xem xét các tài liệu chứng cứ, lời khai của nguyên đơn để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Do đó, yêu cầu của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Tân Quy Đ buộc bị đơn bà Nguyễn Thị D phải thanh toán tổng số tiền là: 35.775.100 (Ba mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là: 22.497.900 (Hai mươi hai triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm) đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 3.040.200 (Ba triệu không trăm bốn mươi nghìn hai trăm) đồng (Tính từ 21/9/2019 đến ngày 25/9/2023), tiền nợ lãi quá hạn 10.235.000 (Mười triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn) đồng (Tính từ ngày 21/9/2019 đến ngày 25/9/2023), tiền lãi chậm trả tính trên nợ lãi chậm trả: 102.000 (Một trăm lẻ hai nghìn) đồng (Tính từ ngày 21/9/2019 đến ngày 25/9/2023) là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về thời hạn trả nợ:

Nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân T1 yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị D phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét, bị đơn bà Nguyễn Thị D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong thời gian dài, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Về tiền lãi sau ngày xét xử sơ thẩm:

Nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân T1 yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị D phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1-0003431/HĐTD ngày 21/09/2019 cho đến khi thi hành án xong.

Căn cứ Điều 7 của hợp đồng tín dụng số 1-0003431/HĐTD ngày 21/09/2019: "Số nợ gốc, lãi tiền vay đến hạn mà bên vay không trả được hoặc trả không đầy đủ và không được Quỹ tín dụng cho cơ cấu lại thời gian trả nợ hoặc thời hạn cơ cấu lại nợ đã hết thì Qũy tín dụng sẽ chuyển toàn bộ dư nợ

gốc thực tế kể cả phần dư nợ chưa đến hạn (nếu có) theo Hợp đồng này sang nợ quá hạn. Quỹ tín dụng sẽ áp dụng mức lãi suất tính đối với phần nợ gốc, tiền lãi vay không trả được tương tự như cách tính lãi chậm trả tại Khoản 2, Khoản 3, Điều 3 Hợp đồng này".

Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với các quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Về án phí:

Bị đơn bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Luật Phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Xử:

[1] Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Tân Quy Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị D phải có trách nhiệm trả cho Qũy tín dụng nhân dân Tân Quy Đông tổng số tiền tính đến ngày 25/9/2023 là: 35.775.100 (Ba mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là: 22.497.900 (Hai mươi hai triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm) đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 3.040.200 (Ba triệu không trăm bốn mươi nghìn hai trăm) đồng (Tính từ 21/9/2019 đến ngày 25/9/2023), tiền nợ lãi quá hạn 10.235.000 (Mười triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn) đồng (Tính từ ngày

21/9/2019 đến ngày 25/9/2023), tiền lãi chậm trả tính trên nợ lãi chậm trả: 102.000 (Một trăm lẻ hai nghìn) đồng (Tính từ ngày 21/9/2019 đến ngày 25/9/2023).

Trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Kể từ ngày 26/9/2023 bà Nguyễn Thị D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng số 1-0003431/HĐTD ngày 21/09/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của quỹ tín dụng nhân dân Tân Quy Đ cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho quỹ tín dụng nhân dân Tân Quy Đ cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của quỹ tín dụng nhân dân Tân Quy Đ cho vay.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.788.755 (Một triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi lăm) đồng.

Hoàn trả lại số tiền án phí dân sự sơ thẩm cho Quỹ tín dụng nhân dân T1 là 828.828 (Tám trăm hai mươi tám nghìn tám trăm hai mươi tám) đồng, theo biên lai thu số: AA/2021/0015674 ngày 17/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Tân Quy Đ và bị đơn bà Nguyễn Thị D được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKS ND Q.7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Tk. Vân Anh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Lê Anh